



BÙI MẠNH HÙNG (Chủ biên)  
LÊ THỊ LAN ANH – VŨ THỊ THANH HƯƠNG – VŨ THỊ LAN  
VĂN THỊ PHƯƠNG MỸ – HOÀNG MINH NGỌC

# Vở bài tập TIẾNG VIỆT 1

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Chủ biên)  
LÊ THỊ LAN ANH – VŨ THỊ THANH HƯƠNG  
VŨ THỊ LAN – VĂN THỊ PHƯƠNG MỸ – HOÀNG MINH NGỌC

# Vở bài tập TIẾNG VIỆT 1

(Tái bản lần thứ nhất)

**TẬP MỘT**

KẾT NỐI TRI THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

## LỜI NÓI ĐẦU

Các em yêu quý!

*Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một* được biên soạn nhằm giúp các em thực hành các kiến thức, kĩ năng được học trong *Tiếng Việt 1, tập một*.

*Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một* gồm các dạng bài tập nói, điền, viết, tô,... tạo cho các em cơ hội củng cố kiến thức, kĩ năng liên quan đến âm chữ và vần được học ở học kì 1. Các bài tập này cũng góp phần giúp các em phát triển vốn từ ngữ, bổ sung vốn từ ngữ được học trong sách *Tiếng Việt 1*.

Chúc các em học vui và hiệu quả!

Các tác giả

KẾT NỐI TRI THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG

## MỤC LỤC

| BÀI    | NỘI DUNG           | TRANG | BÀI    | NỘI DUNG                | TRANG |
|--------|--------------------|-------|--------|-------------------------|-------|
| Bài 1  | A a.....           | 5     | Bài 22 | T t Tr tr.....          | 22    |
| Bài 2  | B b.....           | 6     | Bài 23 | Th th ia.....           | 23    |
| Bài 3  | C c.....           | 7     | Bài 24 | ua ưa.....              | 24    |
| Bài 4  | E e, Ê ê.....      | 8     | Bài 26 | Ph ph Qu qu.....        | 25    |
| Bài 6  | O o.....           | 9     | Bài 27 | V v X x.....            | 26    |
| Bài 7  | Ô ô.....           | 10    | Bài 28 | Y y.....                | 27    |
| Bài 8  | D d Đ đ.....       | 11    | Bài 29 | Luyện tập chính tả .... | 28    |
| Bài 9  | Ơ ơ.....           | 12    | Bài 31 | an ăn ân.....           | 30    |
| Bài 11 | I i K k.....       | 13    | Bài 32 | on ôn ơn.....           | 31    |
| Bài 12 | H h L l.....       | 14    | Bài 33 | en ên in un.....        | 32    |
| Bài 13 | U u Ư ư.....       | 15    | Bài 34 | am ăm âm.....           | 33    |
| Bài 14 | Ch ch Kh kh.....   | 16    | Bài 36 | om ôm ơm.....           | 34    |
| Bài 16 | M m N n.....       | 17    | Bài 37 | em êm im um.....        | 35    |
| Bài 17 | G g Gi gi.....     | 18    | Bài 38 | ai ay ây.....           | 36    |
| Bài 18 | Gh gh Nh nh.....   | 19    | Bài 39 | oi ôi ơi.....           | 37    |
| Bài 19 | Ng ng Ngh ngh..... | 20    | Bài 41 | ui ưi.....              | 38    |
| Bài 21 | R r S s.....       | 21    |        |                         |       |



| BÀI | NỘI DUNG | TRANG |
|-----|----------|-------|
|-----|----------|-------|

|        |                      |    |
|--------|----------------------|----|
| Bài 42 | ao eo.....           | 39 |
| Bài 43 | au âu êu.....        | 40 |
| Bài 44 | iu ưu.....           | 41 |
| Bài 46 | ac ắc âc.....        | 42 |
| Bài 47 | oc ôc uc ưc.....     | 43 |
| Bài 48 | at ăt ât.....        | 44 |
| Bài 49 | ot ôt ơt.....        | 45 |
| Bài 51 | et êt it.....        | 46 |
| Bài 52 | ut ưt.....           | 47 |
| Bài 53 | ap ăp âp.....        | 48 |
| Bài 54 | op ôp ơp.....        | 49 |
| Bài 56 | ep êp ip up.....     | 50 |
| Bài 57 | anh ênh inh.....     | 51 |
| Bài 58 | ach êch ich.....     | 52 |
| Bài 59 | ang ăng âng.....     | 53 |
| Bài 61 | ong ông ung ưng..... | 54 |
| Bài 62 | iêc iên iêp.....     | 55 |

| BÀI | NỘI DUNG | TRANG |
|-----|----------|-------|
|-----|----------|-------|

|        |                      |    |
|--------|----------------------|----|
| Bài 63 | iêng iêm yên.....    | 56 |
| Bài 64 | iêt iêu yêu.....     | 57 |
| Bài 66 | uôi uôm.....         | 58 |
| Bài 67 | uôc uôt.....         | 59 |
| Bài 68 | uôn uông.....        | 60 |
| Bài 69 | ươi ươu.....         | 61 |
| Bài 71 | ước ươt.....         | 62 |
| Bài 72 | ươm ươp.....         | 63 |
| Bài 73 | ươn ương.....        | 64 |
| Bài 74 | oa oe.....           | 65 |
| Bài 76 | oan oăn oat oắt..... | 66 |
| Bài 77 | oai uê uy.....       | 67 |
| Bài 78 | uân uât.....         | 68 |
| Bài 79 | uyên uyêt.....       | 69 |
| Bài 81 | Ôn tập.....          | 70 |
| Bài 82 | Ôn tập.....          | 70 |
| Bài 83 | Ôn tập.....          | 71 |

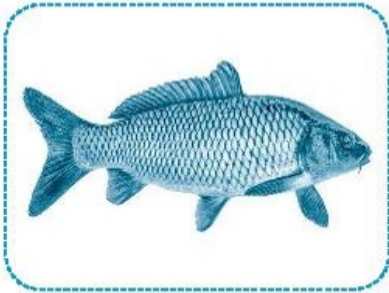




## Bài 1

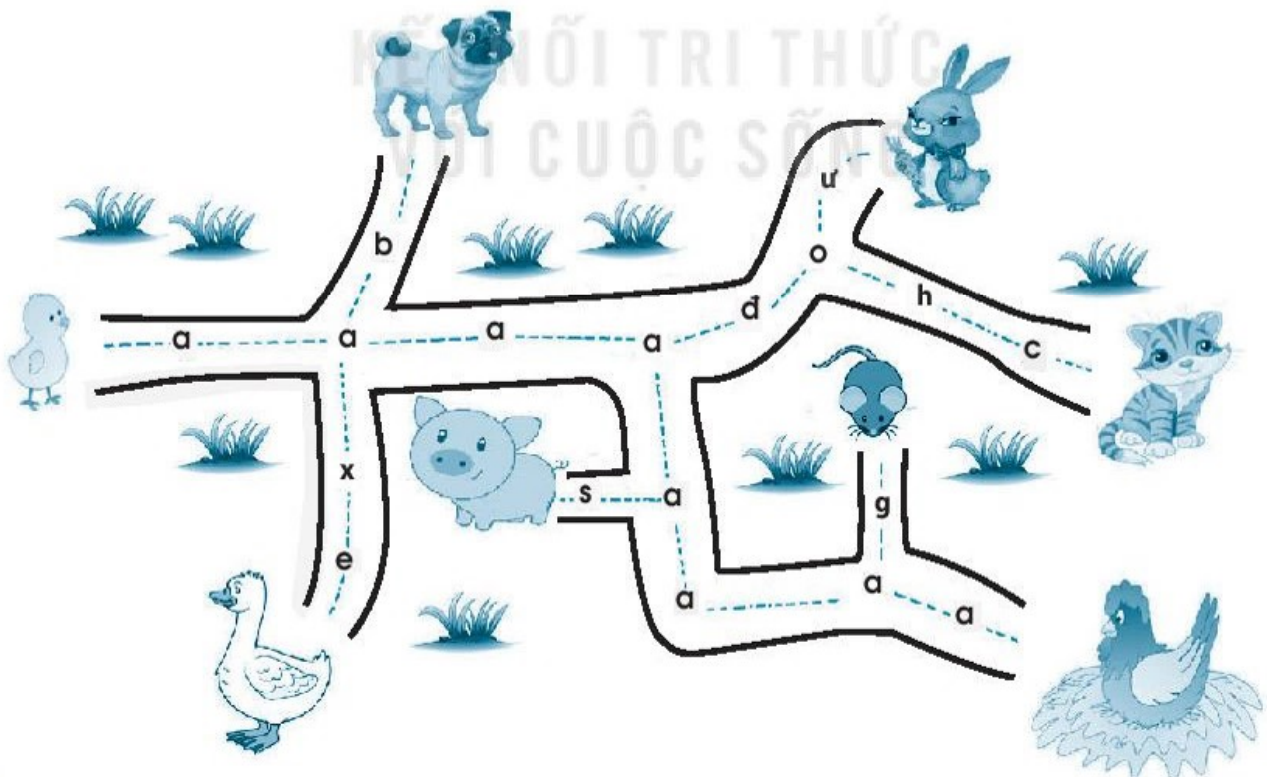
# A a

### 1. Nói



### 2. Gà con tìm mẹ

Gà con phải đi đúng đường có chữ “a” để tìm được mẹ. Hãy dùng bút vẽ đường đi của gà con.





## Bài 2

B b

### 1. Nói

3

b



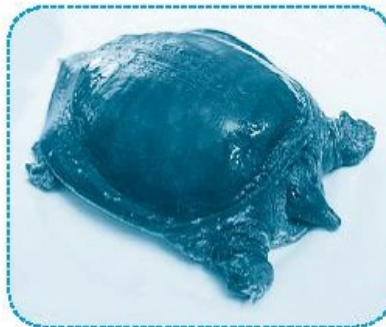
### 2. Tô màu quả bóng chứa b



### 3. Điền a hoặc b



b.....



ba b.....



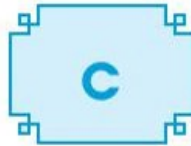
.....a



## Bài 3

C c ^

### 1. Nói



### 2. Khoanh vào chữ cái và dấu thanh tạo thành tên vật

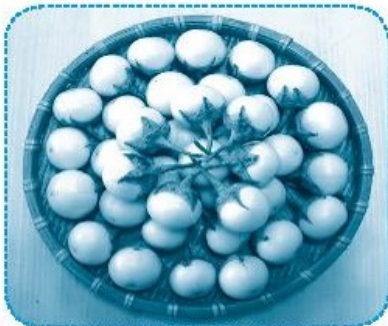


b c â a ^ ^

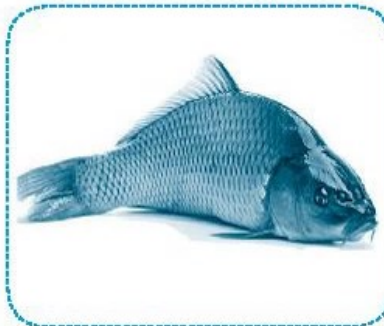


b c ô a ^ ^

### 3. Điền c hoặc b



.....à



.....á



.....à



## Bài 4

E e Ê ê

### 1. Nói



### 2. Điền e hoặc ê



b.....



b.....



b.....

### 3. Ghép các chữ cái và dấu thanh trong ba giỏ để tạo tiếng. Viết các tiếng tạo được.



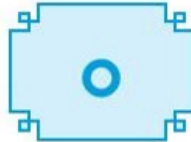
.....



## Bài 6

O o ?

### 1. Nói



### 2. Điền b hoặc o



....ò



c....



c....

### 3. Tô màu đám mây có tiếng chứa dấu hỏi

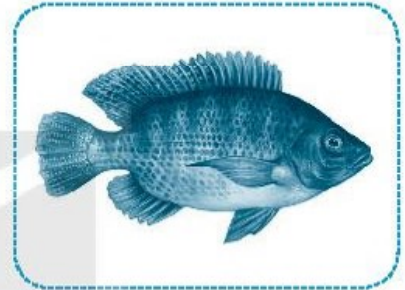




## Bài 7

Ô ô .

### 1. Nói



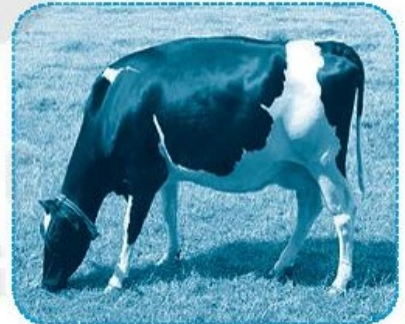
### 2. Điền o hoặc ô



.....



c.....



b.....

### 3. Ghép các chữ cái và dấu thanh trong ba đám mây để tạo tiếng. Viết các tiếng tạo được.



.....



## Bài 8

# D d Đ đ

### 1. Nói



### 2. Điền d hoặc đ



....ế



....ê



....a đa

### 3. Tô màu xanh quả bóng chứa d, tô màu đỏ quả bóng chứa đ





## Bài 9

Ơ ơ ~

### 1. Nói



### 2. Điền o hoặc ơ



b... ê



đ...



b...

### 3. Ghép chữ cái và dấu thanh trong ba giỏ để tạo tiếng. Viết các tiếng tạo được.



.....

## Bài 11

# l i K k

### 1. Nói

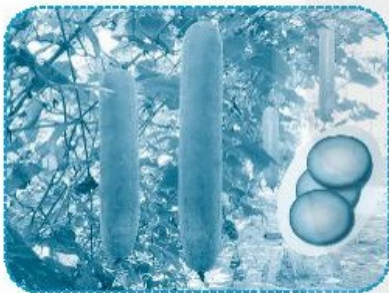


bí

kệ



kẻ



bi



### 2. Điền i hoặc k



.....ì đà



b.....ỏ đỏ



đ.....ò

### 3. Khoanh vào chữ viết đúng

a. Kì đà bò ở **kê** / **cê** đá.

b. Bà **đi** / **đê** đò.



## Bài 12

# H h L l

### 1. Nói



hồ



hồ



lá



lọ

### 2. Điền h hoặc l



....á đa



bờ ....ồ



ba ....ô

### 3. Tô màu xanh ô chữ chứa l, màu đỏ ô chữ chứa h

hồ

le le

hẹ

lọ

ho

## Bài 13

U u Ư ư

### 1. Nói



### 2. Khoanh theo mẫu

|   |    |    |    |    |    |    |
|---|----|----|----|----|----|----|
| u | cũ | cô | củ | hũ | đủ | đê |
| ư | cử | đu | lư | bự | lũ | dự |

### 3. Điền u hoặc ư



c....



đ.... đ....



hổ đ....



d....



## Bài 14

# Ch ch Kh kh

### 1. Nói



chó

khế



khỉ

chỉ



### 2. Điền kh hoặc ch



cá .....ô



.....e ô



.....ú hê

### 3. Điền kh hoặc ch

a. Chị Kha cho Hà đi .....ợ.

b. Bà có cá .....o khế.

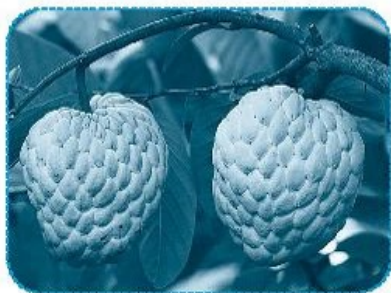
c. Cô Chi .....o bé ô đỏ.



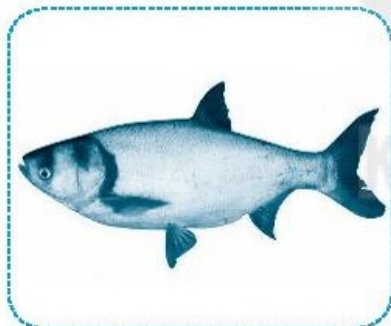
## Bài 16

# M m N n

### 1. Nói



### 2. Điền m hoặc n



cá ....è



.....ơ



.....e

### 3. Nói



l



m



n



c



m



d



## Bài 17

# G g Gi gi

### 1. Nói



g



gi



### 2. Nói



giá



giò

gà

bò

giò

đồ

### 3. Điền g hoặc gi



.....à gô



.....ồ



.....ỏ cá



## Bài 18

# Gh gh Nh nh

### 1. Khoanh theo mẫu



n/ nh



g/ gh



gh/ nh

### 2. Nói



nh



gh



### 3. Điền gh hoặc nh



.....à



.....ẹ



.....ế gỗ



lá .....o



## Bài 19

# Ng ng Ngh ngh

### 1. Khoanh theo mẫu

|            |            |     |     |     |     |     |      |
|------------|------------|-----|-----|-----|-----|-----|------|
| <b>ng</b>  | <u>ngô</u> | ngi | nhà | nhỏ | ghi | ngỡ | ngỏ  |
| <b>ngh</b> | nghe       | ngà | ngi | ghế | ghi | nhủ | nghe |

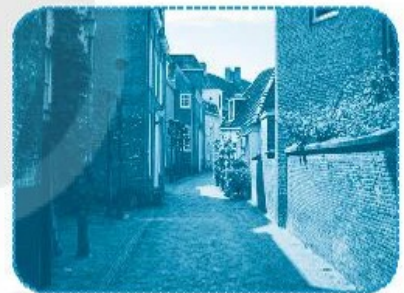
### 2. Nói



ng



ngh



### 3. Điền ng hoặc ngh



.....ỉ hè



.....ã ba



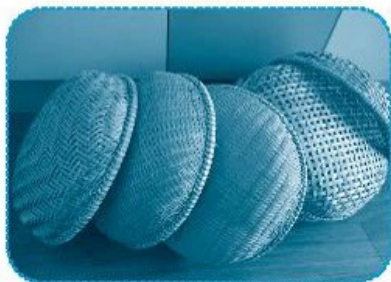
củ .....ệ



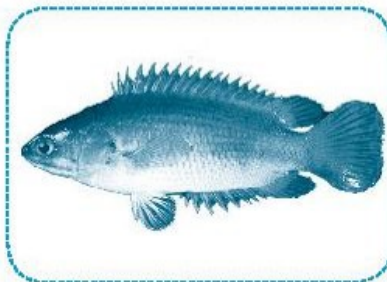
## Bài 21

## R r S s

### 1. Điền r hoặc s



...ổ rá



cá ...ô



su ...u



...u bé



chữ ...ố



gà ....i

### 2. Khoanh vào từ đúng



sẻ/ sẹ



sạ/ sả



rễ/ rế



rổ/ dổ

### 3. Nói

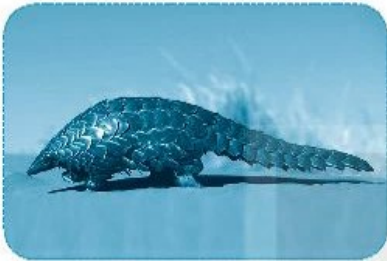
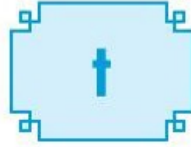




## Bài 22

## T t Tr tr

### 1. Nói



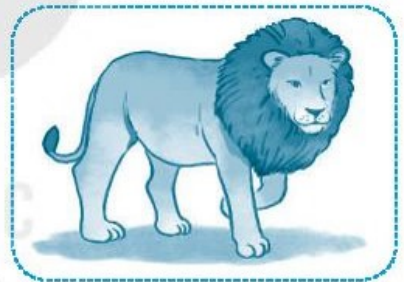
### 2. Điền t hoặc tr



.....ổ cò



cá .....ê



sư .....ử

### 3. Viết vào ô trống

a. tr - e -  → trẻ

c.  - a - ư → trà

b. tre -  → tre trẻ

d. ô -  → ô tô



## Bài 23

# Th th ia

### 1. Khoanh theo mẫu

|    |     |     |     |      |     |     |
|----|-----|-----|-----|------|-----|-----|
| th | thu | nhà | thỏ | nhớ  | thư | thị |
| ia | mía | tía | thỏ | thìa | tô  | bìa |

### 2. Nói



lá tía tô

thị



mía

đĩa



### 3. Điền th hoặc ia



.....ỏ



.....ìa



d.....



.....ư



## Bài 24

## ua ư

### 1. Điền ua hoặc ư



C.....



r.....



d.....



ng.....

### 2. Khoanh vào tiếng đúng



cà **chua**/ trua



dưa/ rư **lê**



**sữa**/ xư **chua**

### 3. Viết 2 tiếng chứa vần dưới đây

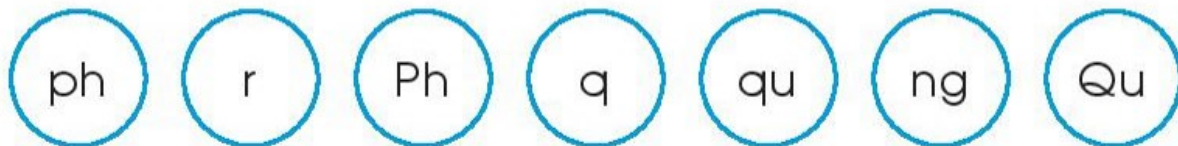
– **ua**: .....

– **ư**: .....

## Bài 26

# Ph ph Qu qu

### 1. Tô màu em thích vào vòng có chữ ph và qu



### 2. Nói



### 3. Điền ph hoặc qu



.....ả na



.....ở bò



.....à quê



## Bài 27

# V v X x

### 1. Khoanh theo mẫu

|   |    |    |     |     |    |     |
|---|----|----|-----|-----|----|-----|
| v | vở | vẽ | chú | về  | và | khế |
| x | xù | cụ | xe  | quê | xa | vé  |

### 2. Nối



vở

chó

xe

vé

về



xù

cộ

vẽ

quê

xe

### 3. Điền v hoặc x



.....ỏ sò



.....ô



lò .....o

## Bài 28

# Y y

### 1. Nói



dà



quỳ

y

tá

quý

ý

chú

giá

### 2. Điền y hoặc i



..... tá



chữ k.....



k..... đà

### 3. Khoanh tròn từ ngữ viết đúng

í nghi

y tế

li ti

ý nghi

i tế

ly ti

## Bài 29

## Luyện tập chính tả

(phân biệt **c** với **k**, **g** với **gh**, **ng** với **nh**)

### 1. Nói



### 2. Điền c hay k?

a. ....ờ

.....í

.....ổ

.....ẻ

b. ....ì lạ

.....ế hở

.....ờ vua

.....ề đá

### 3. Khoanh vào tiếng đúng

a. Bé bê **gế/ ghế**.

b. **Nghé/ Ngé** có bó cỏ to.

c. Chị cho bé cá **cờ/ kờ**.

#### 4. Nói



g



gh



ng



ngh



#### 5. Điền g hoặc gh

a. ....à

.....ẹ

.....ì

.....ế

b. gồ .....ề

.....à ri

ghế .....ỗ

nhà .....a

#### 6. Điền ng hoặc ngh

a. ....à

.....e

.....ỗ

.....ĩ

b. ngô .....ê

bở .....ỡ

.....ì ngờ

.....ỗ nhỏ



## Bài 31

# an ăn ân

### 1. Khoanh theo mẫu

|    |     |      |      |      |      |
|----|-----|------|------|------|------|
| an | đàn | đĩa  | nhân | lần  | gián |
| ăn | gắn | nhấn | nhận | khăn | cần  |
| ân | cân | sân  | mặn  | can  | sẵn  |

### 2. Nói



đàn ngan

quả nhãn



quả mận

thần lằn



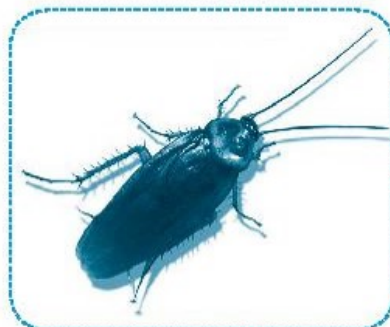
### 3. Điền an, ăn hoặc ân



s..... cỏ



ch.....



gi.....

## Bài 32

# on ôn ƠN

### 1. Nói



bàn tròn

lợn con



ngọn lửa

nụ hôn



### 2. Điền on, ôn hoặc ơn



c..... mưa



th..... bản



thu d.....

### 3. Điền con, bốn, hon, khôn, chôn hoặc nón

số .....

..... mưa

chú bé tí .....

..... lá

con .....

..... lớn



## Bài 33

# en ên in un

### 1. Nói



dế

bản

mưa

ngon

hồ



sen

mèn

tin

phùn

nến

### 2. Điền en, ên, in hoặc un



đỗ đ.....



lúa ch.....



kền k.....



đĩa b.....

### 3. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

bến dò

đỗ đen

mưa phùn

a. Mẹ mua chè .....

b. Bà ra ..... để về quê.

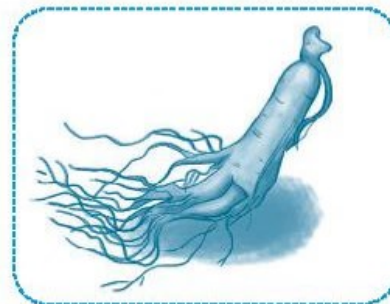
## Bài 34

# am ăm âm

### 1. Nói



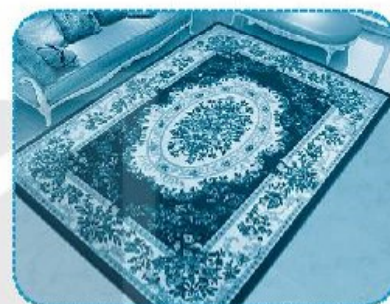
cầm



củ sâm



con tầm



tấm thảm

### 2. Điền am, ăm hoặc âm



quả c.....



..... chén



lọ t.....

### 3. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

thăm

quả cam

chăm chỉ

a. Bé .....

b. Mẹ cho bé đi ..... bà.



## Bài 36

# om ôm ơ

### 1. Nói



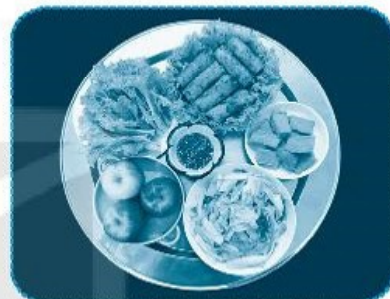
gồm sứ

vòm lá



chôm chôm

mâm cơm



### 2. Giúp máy bay vượt qua các đám mây bằng cách điền đúng om, ôm hoặc ơ và dấu thanh phù hợp



### 3. Khoanh vào tiếng có vần om, ôm, ơ trong các câu dưới đây

- a. Nam đem cơm cho mẹ.
- b. Bà đi lom khom.
- c. Đầm tôm kia là của chú Năm.



## Bài 37

# em êm im um

### 1. Nói



chùm nho

số đếm

1 2 3 4 5  
6 7 8 9 10



trốn tìm

nem rán



### 2. Điền em, êm, im hoặc um



ch..... nhân



ghế đ.....



tủm t'.....



r..... cửa

### 3. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

nem rán

um tùm

trốn tìm

a. Lùm cây .....

b. Mẹ làm .....



## Bài 38

# ai ay ây

### 1. Điền ai, ây hoặc ay



m..... bay



xe t.....



xe đ.....



củ c.....

### 2. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

thợ xây

nảy mầm

nhảy dây

a. Bé .....

b. Bố em là .....

### 3. Nói



Bố

Bầy chim

Dải lụa



mềm mại.

bay về tổ.

lái xe.

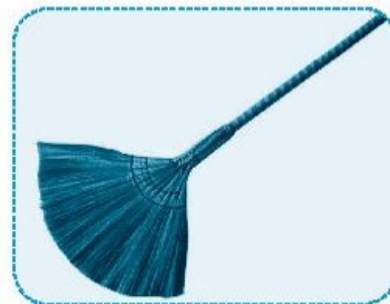
## Bài 39

# oi ôi ơ

### 1. Nói



cái chổi



củ tỏi



bơi lội

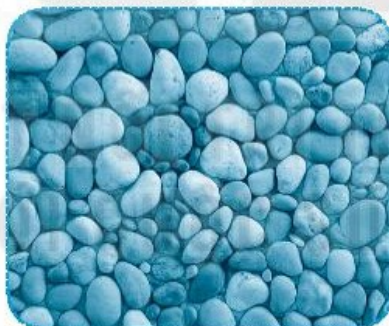


con dơi

### 2. Điền oi, ôi hoặc ơ



cái n.....



hòn s.....



ra ch.....

### 3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu

a. xôil, bà, thối

.....

b. bơi giỏi, chú Khôi

.....

## Bài 41

## ui ưi

### 1. Khoanh theo mẫu

|    |     |     |      |     |     |     |     |
|----|-----|-----|------|-----|-----|-----|-----|
| ui | mũi | hư  | bụi  | túi | buu | mùi | hiu |
| ưi | cúi | vui | chơi | gửi | quà | hoa | mùi |

### 2. Nối



bó củi



cái túi



gửi thư



vui chơi

### 3. Điền ui hoặc ưi



m..... cam



b..... cây



tầm g.....



## Bài 42

ao eo

### 1. Nói



chèo dò

quả táo



ngôi sao

kéo co



### 2. Điền ao hoặc eo



chim s.....



con m.....



ch..... m.....

### 3. Nói



Khỉ

Lời chào cao hơn

Chim ca



mâm cồ.

véo von.

hay leo trèo.

## Bài 43

## au âu êu

### 1. Nói



cây cau

câu cá



châu chấu

chú tều



### 2. Điền au, âu hoặc êu



l..... nhà



c..... tre



cái ph.....

### 3. Nói



Mèo trèo

Bố đi

Mẹ thêu



câu cá.

cây cau.

khăn tay.

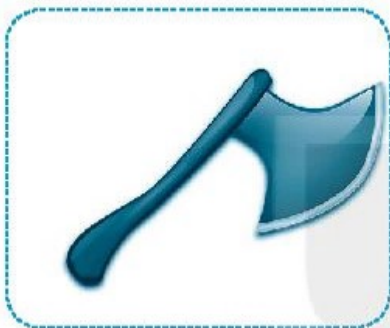
## Bài 44

## iu ưu

### 1. Khoanh theo mẫu

|    |     |     |      |      |      |     |
|----|-----|-----|------|------|------|-----|
| iu | núi | cứu | thiu | điều | địu  | mưu |
| ưu | cừu | xíu | hữu  | hưu  | trữu | lựu |

### 2. Điền iu hoặc ưu



cái r.....



quả l.....



con c.....

### 3. Nối



Bà em

Gió

Quả lựu

Lửa



hiu hiu thổi.

chín đỏ.

cháy liu riu.

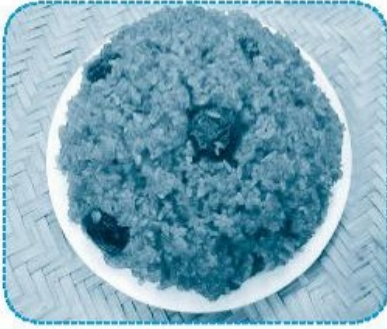
đã nghỉ hưu.



## Bài 46

# ac ăc âc

### 1. Điền ac, ăc hoặc âc



xôi g.....



th.....



m..... áo

### 2. Nối



Mưa

Bản nhạc

Sa Pa

Quả gấc



lắc rắc.

có thác.

chín đỏ.

êm dịu.

### 3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu

a. mặc, bác sĩ, áo bờ-lu

.....

b. trĩu quả, giàn gấc, sai

.....



## Bài 47

# OC ÔC UC ƯC

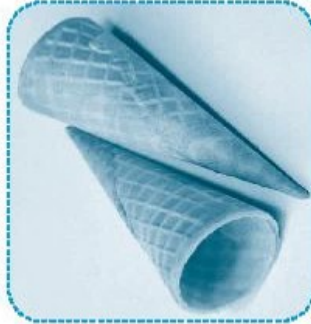
### 1. Điền oc, ôc, uc hoặc ưc



t..... dài



máy x.....



..... quế



con m.....

### 2. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

học bài

mái tóc

máy xúc

a. Chú Hà lái .....

b. .... bà đã bạc.

### 3. Nói



Khóm cúc đã

Mái tóc

Ốc sên

Em



dài và đen.

nở rộ.

đội nhà đi ngủ.

học bài.



## Bài 48

# at ăt ât

### 1. Khoanh theo mẫu

|    |     |     |     |      |      |     |
|----|-----|-----|-----|------|------|-----|
| at | hạt | mắt | cát | bàn  | phát | xát |
| ăt | cắt | bật | cau | dắt  | mặt  | đắt |
| ât | tất | mặt | lật | trái | phất | đất |

### 2. Điền at, ăt hoặc ât



cái b.....



b..... lửa



m..... trời

### 3. Nói



Trời

Bãi cát

Đôi mắt của bé

Cái bát

Mẹ



trái dài.

lát phát mưa.

để trên bàn.

mua cho bé con lật đật.

như hai vì sao trời.



## Bài 49

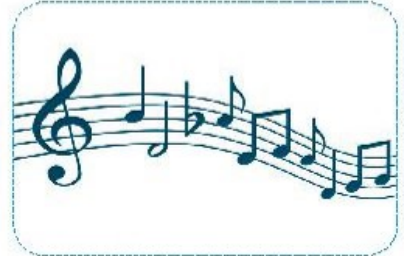
# ot ôt ơt

### 1. Nói

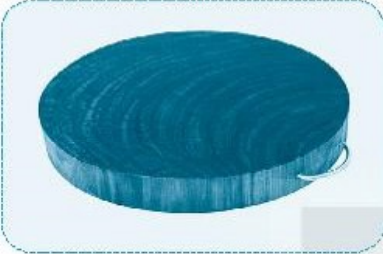


cái thót

rau ngót



nốt nhạc



củ cà rốt



### 2. Điền ot, ôt hoặc ơt



quả .....  
KẾT NỐI TRÍ THỨC  
VỚI CUỘC SỐNG



cái v.....



chim h.....



số m.....

### 3. Nói



Cây

Quả ơt

Chim sơn ca

Thỏ



cao chót vót.

hót liu lo.

chín đỏ.

ăn cà rốt.



## Bài 51

et êt it

### 1. Nói



ốc vít

quét dọn



tết tóc

con vịt



### 2. Điền et, êt hoặc it



th..... bò



bồ k.....



con v.....

### 3. Nói



Đàn vịt

Mẹ

Trời



tết tóc cho bé.

trở rét.

bơi ở ao.

## Bài 52

ut ut

### 1. Khoanh theo mẫu

|    |     |     |     |      |     |     |     |
|----|-----|-----|-----|------|-----|-----|-----|
| ut | vút | mát | lút | lút  | sút | rét | bút |
| ut | vút | xít | sút | nhót | bút | bút | nút |

### 2. Điền tiếng chứa vần ut hoặc ưt



ngón .....



..... rác



bát .....



chim .....

### 3. Nói



Sợi dây

Mút sen

Gạo lứt

Mấy chú chim cút



nấu cơm rất ngon.

bị đứt.

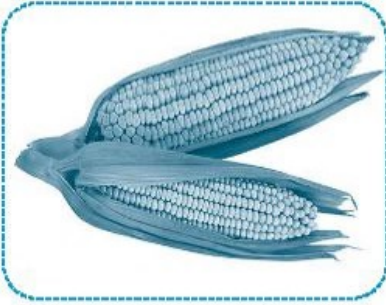
mới nở.

ngọt và ngon.

## Bài 53

# ap ăp âp

### 1. Nói



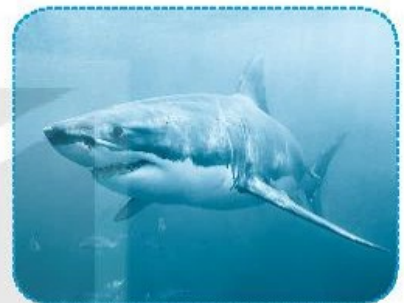
bắp ngô

xe đạp



cáp treo

cá mập



### 2. Điền đạp, tắt hoặc nhấp



đèn ..... nhấp



xe .....



xa tít .....

### 3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu

a. tập, bé, đi, xe đạp

.....

b. mưa, trời, sắp

.....

## Bài 54

# op ôp ơp

### 1. Nói



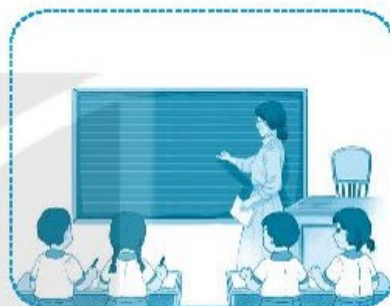
con cạp

tia chớp



lớp học

cơm hộp



### 2. Điền chớp, lớp hoặc lớp



..... ô tô



..... học



mũ .....

### 3. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

lộp độp

con cạp

lớp học

a. .... rất sôi nổi.

b. Mưa rơi ..... trên mái tôn.

## Bài 56

# ep êp ip up

### 1. Nói



đầu bếp

búp bê



kẹp tóc

béo múp míp



### 2. Điền ep, êp, ip hoặc up



b..... sen



gác x.....



sắp x.....



bìm b.....

### 3. Nói



Bé có

Đôi dép của bà

Phố xá



màu đen.

nhộn nhịp.

búp bê.

## Bài 57

# anh ênh inh

### 1. Nói



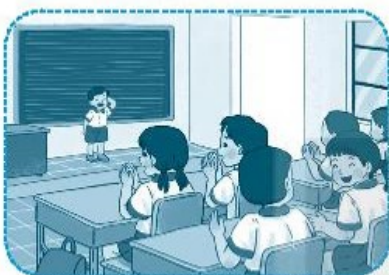
học sinh

con kênh



chim cánh cụt

cành cây



### 2. Điền anh, ênh hoặc inh



quả ch.....



bập b.....



cặp k.....

### 3. Nói



Hai anh em

Cây chanh

Bé vẽ



đà ra quả.

hình tròn.

chơi bập bênh.



## Bài 58

# ach êch ich

### 1. Khoanh vào tên sự vật phù hợp với hình



Ô C Á I P H Í C H S



C K C Ă P S Á C H Ì



S U X Í C H Đ U H A



C Á C O N É C H H A

### 2. Nối



tò

sạch

con



sẽ

ếch

lich

### 3. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

sạch sẽ

con ếch

chim chích

a. Nhà cửa rất .....

b. Máy chú ..... chăm chỉ bắt sâu.



## Bài 59

# ang ăng âng

### 1. Nói



măng tre

nhà cao tầng

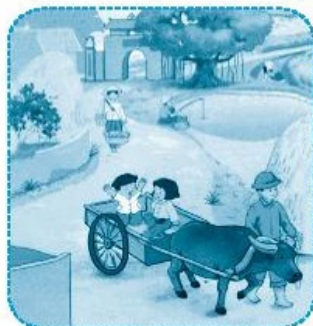


cá vàng

xe nâng



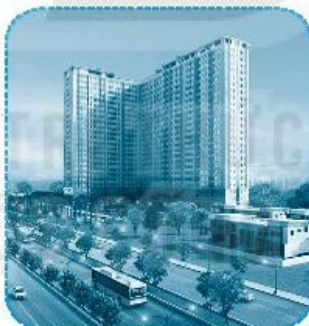
### 2. Điền tiếng chứa ang, ăng hoặc âng



xóm .....



vàng .....



nhà cao .....



..... của

### 3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu

a. nở, tím, góc phố, bằng lăng

.....

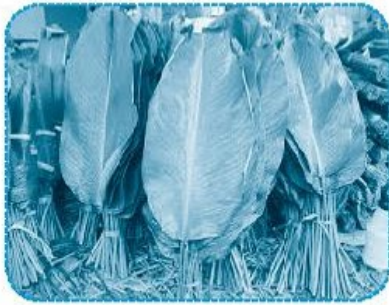
b. có, bể, cá vàng

.....



# Bài 61      ong   ông   ung   ưng

## 1. Nói



lá dong

cầu vồng



cái vung

quả trứng



## 2. Điền ong, ông, ung hoặc ưng



quả b.....



con ng.....



bông s.....



bánh ch.....

## 3. Điền từ trong ngoặc vào chỗ trống

(đồng, rừng, sung)

– đồng sức ..... lòng

– trồng cây gây .....

– rặng như .....



## Bài 62

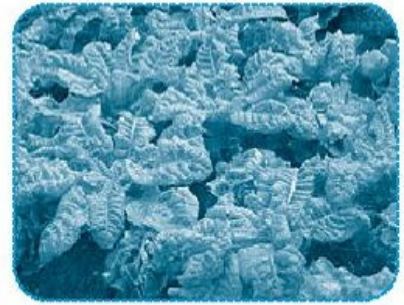
# iêc iên iêp

### 1. Nói



tấm thiệp

chim chiến chiến



rạp xiếc

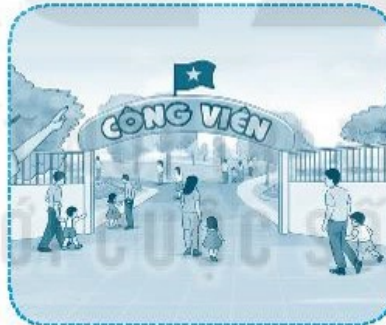
rau diếp



### 2. Điền iêc, iên hoặc iêp



bữa t.....



công v.....



sò đ.....

### 3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu

a. kêu, mấy chú gà con, chiếp chiếp

.....

b. bé, thích, công viên, đi

.....



## Bài 63

# iêng iêm yên

### 1. Nói



bay liêng

cái kiêng



que diêm

yên ngựa



### 2. Điền iêng, iêm hoặc yên



củ r.....



hồng x.....



tổ .....  
.....

### 3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu

a. nhà bà, cây hồng xiêm, có

.....

b. mẹ, với riềng, kho cá

.....



## Bài 64

# iêt iêu yêu

### 1. Điền iêt hoặc iêu



thời t.....



thả d.....



cây l.....

### 2. Viết 2 tiếng có vần dưới đây

– iêt: .....

– iêu: .....

### 3. Nối



Lan thích

Khiêu vũ thể thao

Mẹ

Múa “Đi học”

Việt Nam



là một bộ môn giải trí hấp dẫn.

yêu bé rất nhiều.

là tiết mục hay nhất.

học môn Tiếng Việt.

có nhiều điểm du lịch hấp dẫn.

## Bài 66

## uôi uôm

### 1. Khoanh theo mẫu

|     |      |       |       |      |       |
|-----|------|-------|-------|------|-------|
| uôi | xuôi | cuộn  | chuồn | tuổi | muối  |
| uôm | suối | chuôm | cuốn  | buồm | chuối |

### 2. Nối



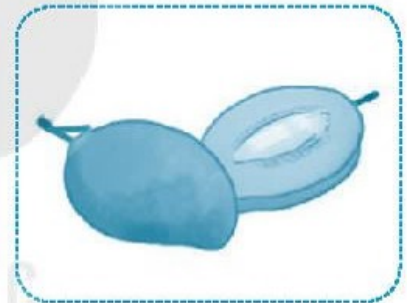
cánh buồm



con muỗi



quả muôm

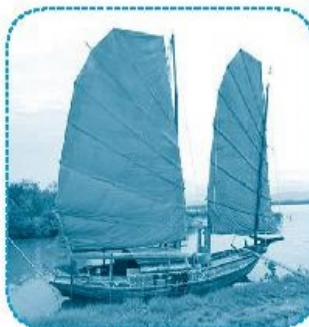


cá đuối

### 3. Điền chuối, suối, muôm hoặc buồm



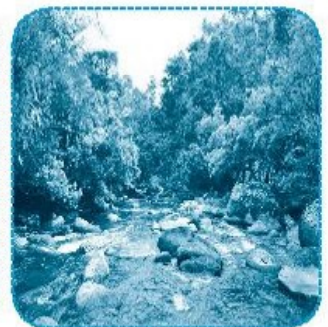
quả .....



cánh .....



nải .....



con .....



## Bài 67

# uôc uôt

### 1. Nói



cái **cuộc**

dưa **chuột**



buộc **nơ**

chuột **máy tính**



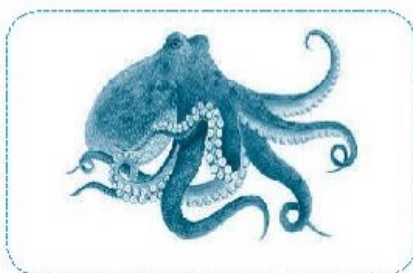
### 2. Điền uôc hoặc uôt



b..... dây giày



viên th.....



bạch t.....



con ch.....

### 3. Viết 2 tiếng có vần dưới đây

– **uôc**: .....

– **uôt**: .....



## Bài 68

# uôn uông

### 1. Nói



chuồn chuồn

chuồng chim



buồng cau

rau muống



### 2. Điền tiếng chứa vần uôn hoặc uông



..... len



hình .....



bánh .....



quả .....

### 3. Viết 2 tiếng có vần dưới đây

– uôn: .....

– uông: .....



## Bài 69

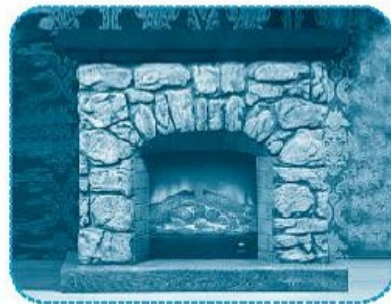
# ươi ươi

### 1. Nói



tươi cây

ươi sao



chim ươi

lò ươi



### 2. Điền tiếng chứa vần ươi hoặc ươi



..... ươi



..... lạc ươi



..... ươi



ươi ..... ươi

### 3. Viết 2 tiếng có vần ươi dưới đây

– ươi: .....

– ươi: .....



## Bài 71

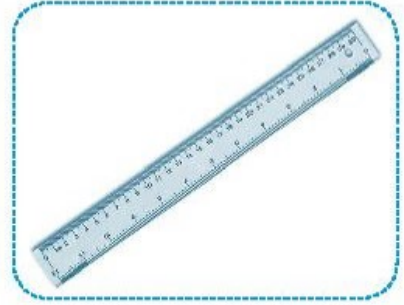
# ước ượt

### 1. Nói



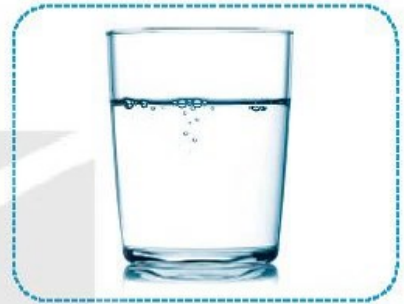
cầu vượt

lướt ván

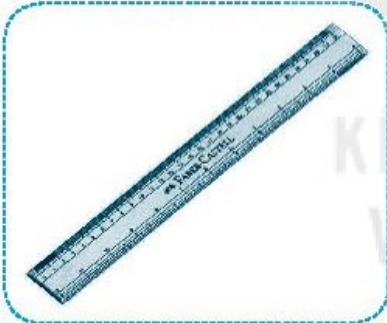


cốc nước

thước kẻ



### 2. Điền tiếng chứa ượt hoặc ước



..... kẻ



cầu .....



cái .....

### 3. Sắp xếp từ ngữ thành câu và viết lại câu

a. chơi cầu trượt, ước, bé, được

.....

b. nhà em, cầu vượt, trước cửa, có

.....



## Bài 72

# ươm ượp

### 1. Nói



cháy đượm

nuồm nượp



giàn muớp

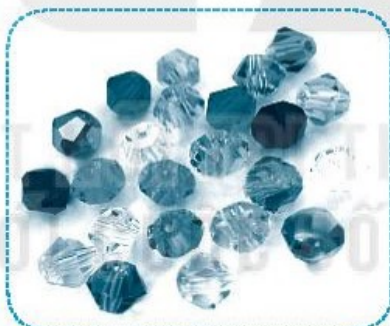
thanh gươm



### 2. Điền ươm hoặc ượp



con b.....



hạt c.....



quả m.....

### 3. Chọn từ ngữ phù hợp điền vào chỗ trống

ươm cây

nuồm nượp

vàng ươm

a. Hoa muớp .....

b. Chú Tư dạy bé .....



## Bài 73

# ươn ương

### 1. Nói



bức tượng

vươn vai



con lươn

đường phố



### 2. Điền ươn hoặc ương



con v.....



v..... cây



cái g.....



giọt s.....

### 3. Nói



Con mương

Chú chim

Trong vườn



bay lượn trên bầu trời.

có mấy luống đồ tương.

uốn lượn quanh cánh đồng.

## Bài 74

## oa oe

1. Tô màu đỏ cho vòng có tiếng chứa vần **oa**, màu xanh cho vòng có tiếng chứa vần **oe**

loá

loe

toả

xoe

xoà

hoa

choé

khoá

loa

khoẻ

2. Điền **oa** hoặc **oe**



t..... tàu



chích ch.....



cái l.....

3. Nói



Hoa sen

Cành cọ

Em tập thể dục

Gia đình em



xoè ra như chiếc ô.

về quê bằng tàu hoả.

toả hương thơm ngan ngát.

để có sức khoẻ tốt.



# Bài 76 oan oăn oat oắt

## 1. Khoanh vào tiếng đúng



hoa **xoan**/ **xoăn**



tóc **xoan**/ **xoăn**



**hoạt**/ **hoắt** hình



nhọn **hoát**/ **hoắt**

## 2. Điền

a. **oan** hoặc **oăn**

hân h.....

băn kh.....

kh..... khoái

b. **oat** hoặc **oắt**

nhọn h.....

dứt kh.....

thoăn th.....

## 3. Nói



Bé đọc

Hà xem

Mẹ có

Hàng tre đâm măng



phim hoạt hình.

lưu loát.

nhọn hoắt.

mái tóc xoăn.



## Bài 77

# oai uê uy

### 1. Nói



vạn tuế

khoai lang



quả xoài

lũy tre



### 2. Khoanh theo mẫu

|            |                  |            |           |
|------------|------------------|------------|-----------|
| <b>oai</b> | quê <u>ngoại</u> | khoai lang | muôn loài |
| <b>uê</b>  | hoa huệ          | vạn tuế    | thoả thuê |
| <b>uy</b>  | khuy áo          | thuyền mị  | huy hiệu  |

### 3. Nói



Lũy tre xanh

Ông ngoại

Hoa huệ



dạy em chơi cờ.

màu trắng.

bao lấy xóm làng.

## Bài 78

# uân uât

### 1. Khoanh vào tiếng đúng



tuần/ tuần tra



xuốt/ xuất phát



tuần/ toàn lộc

### 2. Điền uân hoặc uât

nghệ th..... h..... chương l..... phiên quy l.....

### 3. Nói



Mùa xuân, cây cối đâm chồi nảy lộc.



Vàng trắng khuất sau rặng tre.



Ông già Nô-en cưỡi xe tuần lộc.

## Bài 79

# uyên uyêt

### 1. Khoanh vào tiếng đúng



vành **khuyên/ khuyêt**



trượt **tuyến/ tuyết**



trăng **khuyến/ khuyêt**

### 2. Điền **uyên** hoặc **uyêt**

lời kh.....

truyền th.....

..... bác

d..... binh

t..... rơi

lưu l.....

### 3. Nói



**Tuyết**



**rẽ sóng ra khơi.**

**Con thuyền**

**nở rộ.**

**Hoa đỗ quỳn**

**rơi trắng xóa.**



## Bài 81

1. Khoanh các chữ đứng liền nhau (thêm dấu thanh phù hợp) để tạo từ ngữ chỉ loài vật

|   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|
| p | ê | r | s | o | i |
| a | ô | u | k | x | c |
| n | l | a | c | đ | a |
| h | ơ | k | h | i | r |
| i | n | ă | o | h | ô |
| m | e | o | g | ã | u |

2. Chép khổ thơ cuối của bài thơ *Tết đang vào nhà* (BT4 SGK, trang 175).

## Bài 82

1. Viết các chữ số và từ chỉ số (BT1 SGK, trang 176).





HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



## BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 1 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một
2. Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai
3. Tập viết 1, tập một
4. Tập viết 1, tập hai
5. Vở bài tập Toán 1, tập một
6. Vở bài tập Toán 1, tập hai
7. Vở bài tập Tự nhiên và Xã hội 1
8. Vở bài tập Đạo đức 1
9. Vở bài tập Âm nhạc 1
10. Vở bài tập Mĩ thuật 1
11. Vở bài tập Hoạt động trải nghiệm 1

### Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam  
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

**Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-23816-0



9 786040 238160

**Giá: 13.000 đ**